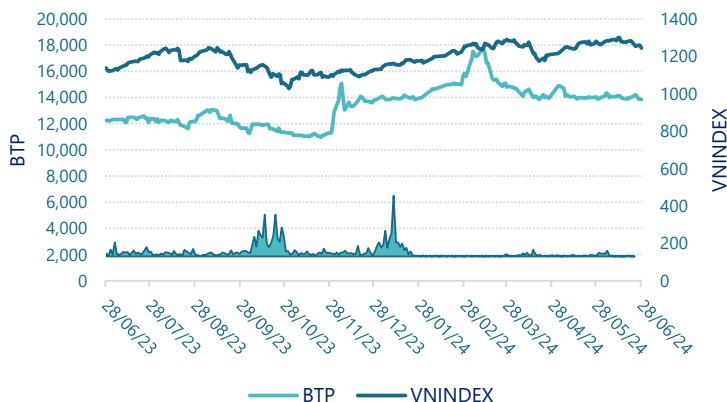




CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (HSX: BTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	13,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,707
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,954
SL cổ phiếu LH	60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,020
% sở hữu nước ngoài	8.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	838
P/E	19.5
EPS	711

DT thuần

Q2/24

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106 | 213%

YoY: ▼ 486 | -75.9%

LN sau thuế

Q2/24

3.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.12 | -64.7%

YoY: ▼ 24.4 | -87.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

3.0%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

6T 2024

204

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 484 | -70.4%

LN sau thuế

6T 2024

12.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 29.5 | -69.7%

ROE

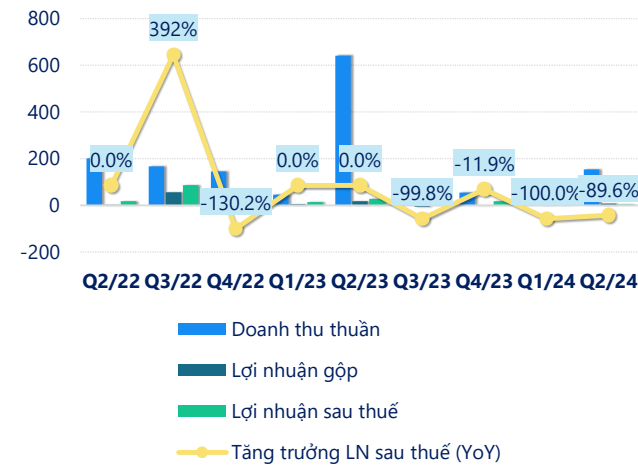
Q2/24

3.7%

+/- YoY: ▼ 5.5%

tỷ VNĐ

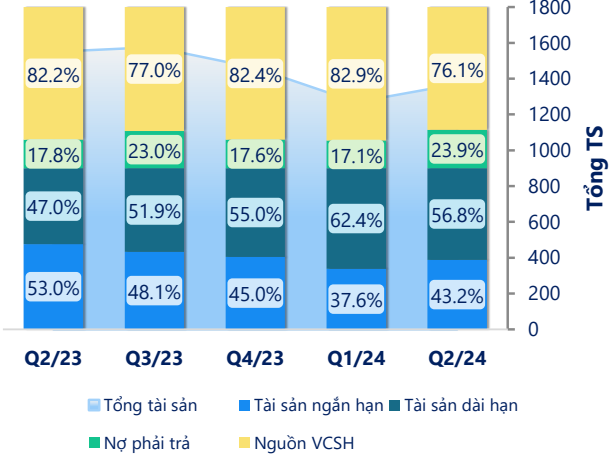
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

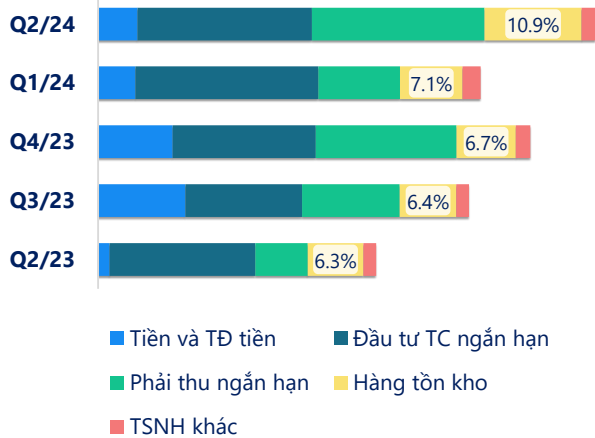
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



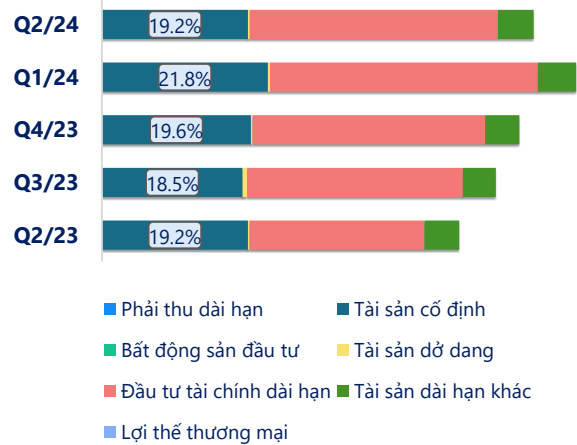
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

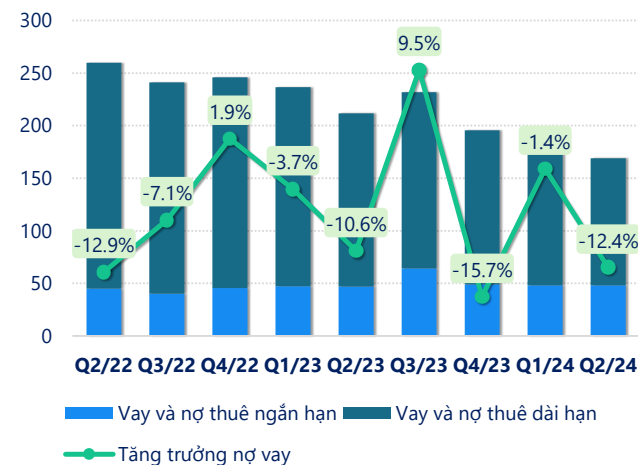
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

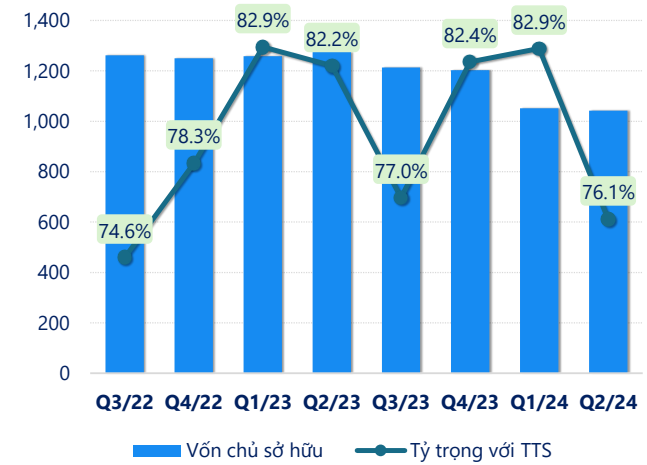
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

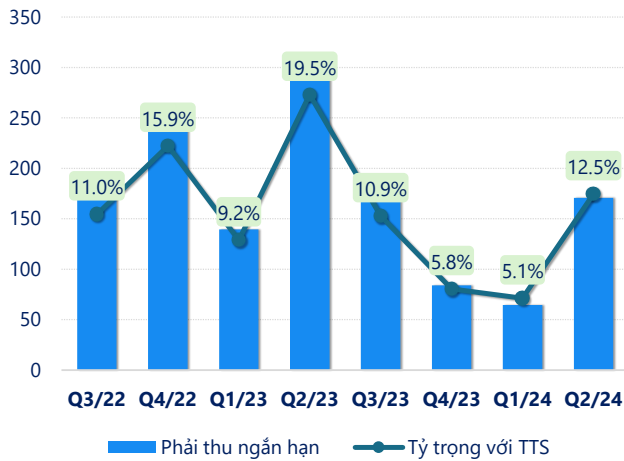
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



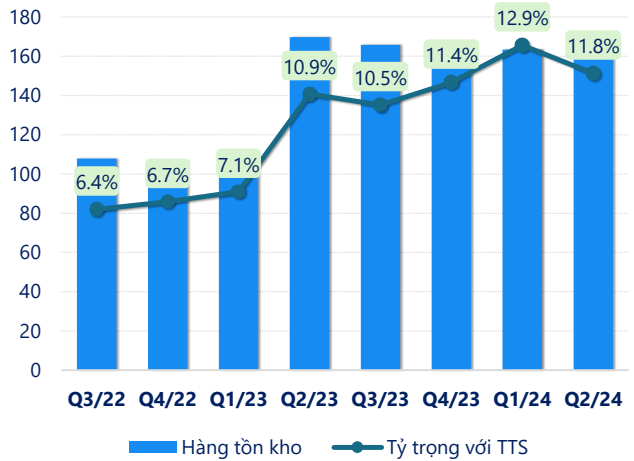
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


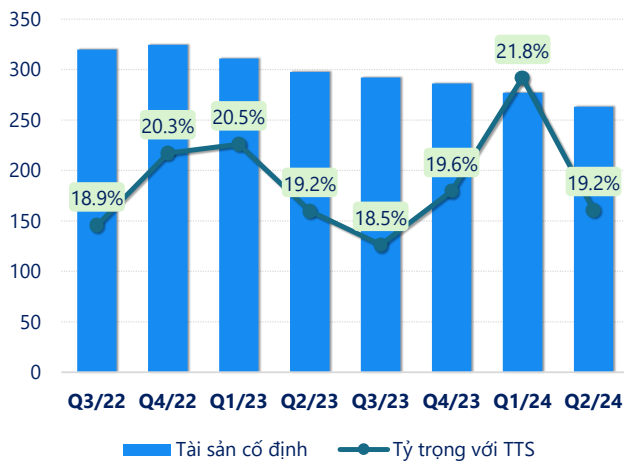
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


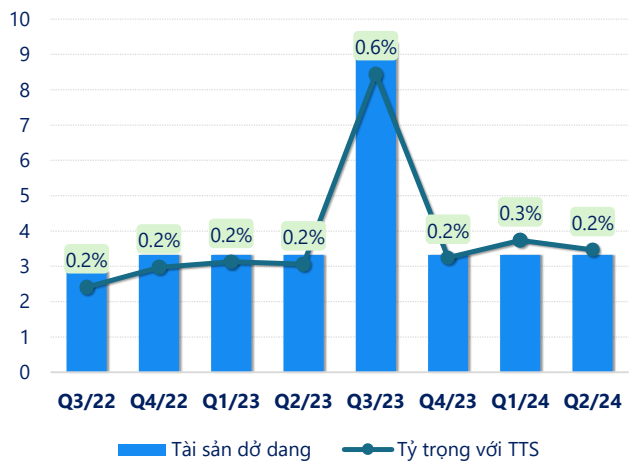
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

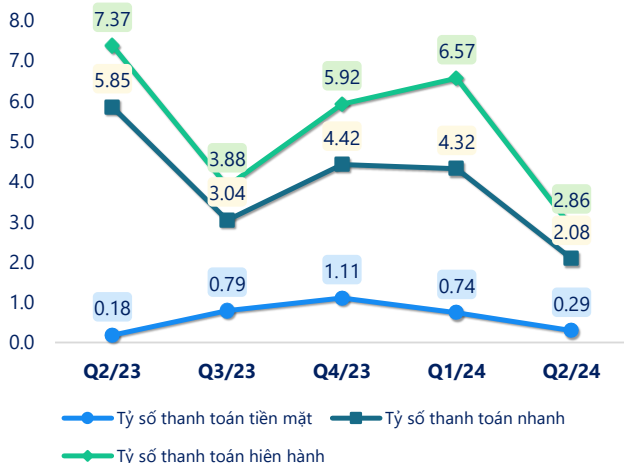
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

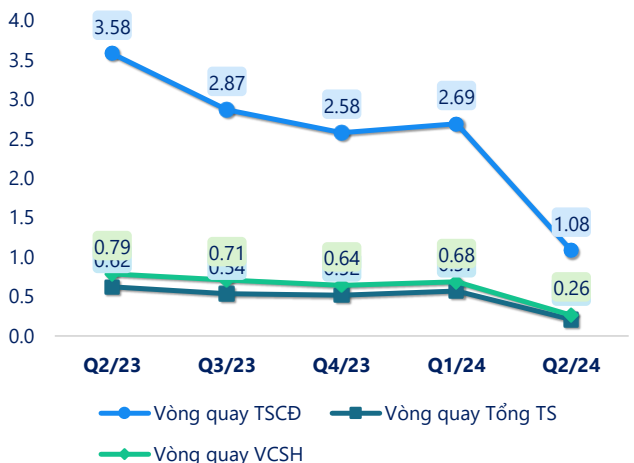
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	1,550	1,576	1,460	1,268	1,370
Tài sản ngắn hạn	821	759	658	476	591
Tiền và tương đương tiền	20.2	155	123	53.5	60.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	305	244	255	170	175
Phải thu ngắn hạn	302	172	84.0	64.6	171
Hàng tồn kho	170	166	167	163	161
Tài sản ngắn hạn khác	23.5	21.9	29.3	24.9	23.6
Tài sản dài hạn	729	817	803	792	778
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	298	292	286	277	263
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.32	9.32	3.32	3.32	3.32
Đầu tư tài chính dài hạn	357	447	447	447	447
Tài sản dài hạn khác	71.0	68.8	66.0	64.5	64.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	276	363	258	217	327
Nợ ngắn hạn	111	195	111	72.5	207
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.0	64.2	48.9	48.2	48.2
Phải trả người bán ngắn hạn	28.7	13.6	6.66	1.11	116
Nợ dài hạn	165	168	147	145	121
Vay và nợ thuê dài hạn	165	168	147	145	121
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,274	1,213	1,203	1,051	1,042
Vốn chủ sở hữu	1,274	1,213	1,203	1,051	1,042
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)